



Phụ lục số XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)
 (Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

- | | |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company: | CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company |
| 2 Ngân hàng giám sát:
Supervising bank: | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam-HCMC Branch |
| 3 Tên Quỹ:
Fund name: | QUỸ ETF DCFVMVN DIAMOND
DCVFMVN DIAMOND ETF |
| 4 Kỳ báo cáo:
Reporting period: | Từ ngày 26/05/2023 đến ngày 01/06/2023
From 26 May 2023 to 01 Jun 2023 |
| 5 Ngày lập báo cáo:
Reporting Date: | 02/06/2023
02 Jun 2023 |

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 01/06/2023	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 25/05/2023
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	17,839,514,565,590	17,992,495,881,215
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	2,226,043,744	2,232,873,651
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	22,260.43	22,328.73
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	17,887,710,766,944	17,839,514,565,590
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	2,265,414,230	2,226,043,744
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	22,654.14	22,260.43
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó	2103		
	Change of net asset value during the period, in which			
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	2103.1	312,454,086,308	(54,693,947,492)
	Change due to investment activities during the period			
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ	2103.2	(264,257,884,954)	(98,287,368,133)
	Change due to subscription, redemption during the period			
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	2103.3		
	Change due to profit distribution to investors during the period			
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước	2104	393.71	(68.30)
	Change of net asset value per certificate in comparison to previous period			
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2105		
	Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	20,411,896,115,063	20,411,896,115,063
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	12,973,586,070,004	12,973,586,070,004
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)	2106		
	Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)			
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ	2107		
	Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate			
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	22,190	22,350
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	22,420	22,190
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	2110	230	(160)
B.4	Chênh lệch giữa giá trị thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2111		
	Variance between market price and net asset value of one fund certificate			
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	(234.14)	(70.43)
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2111.2	(1.03)%	(0.32)%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2112		
	Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	29,480	29,480
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	19,100	19,100

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
 Authorised Representative of Supervisory Bank

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CN TP.HCM
 Trưởng Phòng DVKHTC2
 Hoàng Thị Quỳnh Hoa

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
 Authorised Representative of Fund Management Company

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
 Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
 Nguyễn Minh Đăng Khánh